

Hoàn thiện chính sách phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi của Việt Nam

Nguyễn Đức Hải*

*Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Dương,
Số 9A, Ngõ 208, Nguyễn Văn Cừ, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 24 tháng 11 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 3 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 3 năm 2017

Tóm tắt: Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu sắc, các ngành kinh tế Việt Nam nói chung và đặc biệt là ngành công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi nói riêng đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức lớn. Ngành công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi cần hoàn thiện chính sách để phát triển và đáp ứng với các yêu cầu của hội nhập. Bài viết phân tích thực trạng chính sách phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi Việt Nam, từ đó đưa ra một số kiến nghị góp phần phát triển ngành công nghiệp này đáp ứng tình hình mới.

Từ khóa: Công nghiệp thức ăn chăn nuôi, hoàn thiện chính sách, Việt Nam.

1. Thực trạng chính sách phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi Việt Nam

1.1. Chính sách phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi

Ngày 05/2/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2010/NĐ-CP về việc quản lý thức ăn chăn nuôi (TACN) có hiệu lực từ ngày 25/3/2010, trong đó gồm các vấn đề sau [1]:

Chính sách của Nhà nước về TACN

1. Đầu tư nghiên cứu, đào tạo, khuyến công, khuyến nông và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về dinh dưỡng, chế biến TACN.

2. Quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu TACN; khuyến khích khai thác và chế biến các loại thức ăn bổ sung từ nguồn nguyên liệu trong nước nhằm giảm tỷ lệ nhập khẩu.

3. Hỗ trợ nâng cao năng lực các phòng phân tích phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra,

giám sát chất lượng TACN; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với TACN.

4. Hỗ trợ công nghệ sau thu hoạch để sơ chế và bảo quản nguồn nguyên liệu TACN sản xuất trong nước.

5. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp được vay vốn ngân hàng để đầu tư thiết bị phòng phân tích kiểm tra chất lượng TACN và mặt bằng để xây dựng hệ thống kho cảng chuyên dùng phục vụ xuất, nhập khẩu TACN.

Về nhập khẩu TACN

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu các loại TACN có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Trường hợp nhập khẩu TACN không có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Nhập khẩu để khảo nghiệm phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thực hiện việc khảo

*ĐT.: 84-915055339

Email: haingd@suninvest.com.vn

nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định;

b) Nhập khẩu để kiểm nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất theo hợp đồng đã đăng ký với nước ngoài hoặc giới thiệu tại các hội chợ triển lãm phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chấp hành sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu TACN phải chịu trách nhiệm về chất lượng và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm thu hồi, xử lý hàng hóa TACN không đảm bảo chất lượng và đền bù thiệt hại gây ra cho người chăn nuôi.

Về quản lý nhà nước về TACN

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sản xuất và sử dụng TACN.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển TACN.

3. Khảo nghiệm và công nhận TACN mới.

4. Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về TACN.

5. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực TACN.

6. Đầu tư, phát triển hệ thống khảo nghiệm, kiểm nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng TACN.

7. Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về TACN.

8. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất, quản lý và sử dụng TACN.

9. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các tranh chấp về TACN.

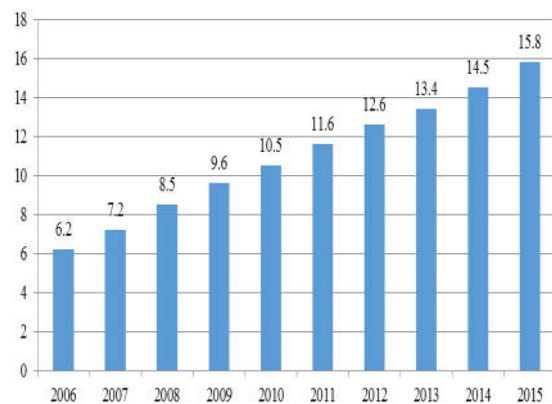
10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TACN.

1.2. Tác động của chính sách đến sự phát triển ngành công nghiệp TACN Việt Nam

Trước thực trạng đàn gia súc, gia cầm không ngừng mở rộng cùng với giá nguyên

liệu TACN trên thế giới ổn định ở mức thấp trong năm qua, nhập khẩu nguyên liệu TACN vào Việt Nam đã tăng lên rất mạnh. Điều này đồng nghĩa với việc sản lượng TACN công nghiệp của các nhà máy sản xuất TACN trong nước tiếp tục tăng mạnh. Cụ thể, theo số liệu của Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng sản lượng TACN công nghiệp trong năm 2015 đạt 15,8 triệu tấn, tăng 9,6% so với mức 14,5 triệu tấn năm 2014. Xét trong 10 năm trở lại đây (2006-2015), sản lượng TACN công nghiệp liên tục tăng qua từng năm, tính trung bình toàn giai đoạn 10 tăng trưởng với tốc độ 11%/năm [6] (Hình 1).

Theo thống kê, tính đến hết năm 2015, cả nước có 207 nhà máy sản xuất TACN, giảm so với 272 nhà máy năm 2013 [6]. Các nhà máy ngừng hoạt động chủ yếu có quy mô nhỏ, không cạnh tranh được trên thị trường TACN, trong khi nhiều công ty TACN lớn do nước ngoài đầu tư vốn không ngừng mở rộng quy mô sản xuất của các nhà máy vốn có. Do vậy, mặc dù số lượng nhà máy giảm song sản lượng TACN công nghiệp năm 2015 vẫn tiếp tục tăng.



Hình 1. Sản lượng thức ăn công nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2006-2015 (triệu tấn).
Nguồn: Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016 [6].

Các doanh nghiệp nước ngoài hoặc có vốn nước ngoài hiện vẫn chiếm lĩnh thị phần TACN tại Việt Nam. Năm 2015, có 63 nhà máy thuộc doanh nghiệp TACN nước ngoài và liên doanh, chiếm 30% tổng số nhà máy TACN. Tuy nhiên, tổng sản lượng TACN công nghiệp của các nhà máy này đạt 9,51 triệu

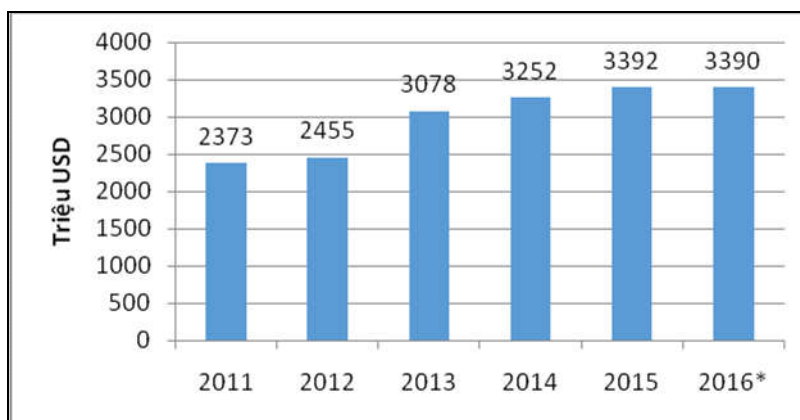
USD, chiếm 60% tổng sản lượng TACN công nghiệp tại Việt Nam [6].

Trong những năm gần đây, nhập khẩu nguyên liệu TACN của Việt Nam không ngừng tăng do nhu cầu rất lớn của ngành công nghiệp chế biến TACN trong nước. Năm 2015, trị giá nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt trên 3,39 tỷ USD, tăng 4,2% so với năm 2014 và tăng gần 43% so với năm 2011 [6].

Năm 2016, do giá cả nhiều nguyên liệu sản xuất TACN trên thị trường quốc tế như ngô, lúa mì, đậu tương, bột cá đều có xu hướng giảm, lượng nhập khẩu nguyên liệu TACN của Việt Nam tiếp tục tăng lên. Tuy nhiên, xét về mặt giá trị, năm 2016, kim ngạch nhập khẩu TACN giảm nhẹ 0,1% so với năm trước, ước đạt 3,39 tỷ USD [6] (Hình 2).

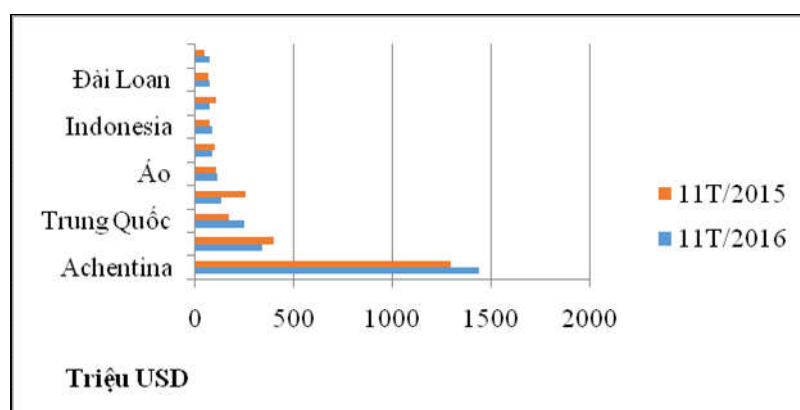
* Ước tính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ba thị trường nhập khẩu chính của nhóm mặt hàng này là Argentina, Hoa Kỳ và Trung Quốc, chiếm thị phần lần lượt là 46,5%, 11% và 7,9%. Các thị trường có giá trị tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2015 là Trung Quốc (46,3%), Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (45,3%), Indonesia (17,2%), Đài Loan (14,5%) và Argentina (10,9%). Các thị trường có giá trị nhập khẩu giảm mạnh là Brazil (50%), Ấn Độ (29%), Hoa Kỳ (15,2%) và Thái Lan (12,9%).

Như vậy, tổng sản lượng thức ăn sản xuất trong nước đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu TACN công nghiệp trong nước và bước đầu hướng tới xuất khẩu sang một số thị trường trong khu vực.



Hình 2. Nhập khẩu thức ăn gia súc của Việt Nam giai đoạn 2011-2016 (triệu USD).

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2016 [6].



Hình 3. Kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu TACN từ các thị trường lớn năm 2016 (triệu USD).

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2016 [6].

Năm 2017, ngành đặt mục tiêu từng bước tái cơ cấu ngành chăn nuôi, phát triển chăn nuôi phù hợp với nền kinh tế thị trường; đáp ứng cơ bản các loại thực phẩm thiết yếu (thịt, trứng, sữa) cho tiêu dùng xã hội, xây dựng các điều kiện tiếp cận thị trường, tiến tới xuất khẩu một số sản phẩm chăn nuôi có tiềm năng. Theo đó, tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 2,8-3,2%; tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (thuần) từ 26-27%; sản lượng thịt hơi các loại đạt hơn 4,6 triệu tấn; sản lượng trứng xấp xỉ 9 tỷ quả; sữa tươi 590 nghìn tấn; TACN công nghiệp đạt 17,3 triệu tấn [6].

1.3. Thách thức đối với thị trường sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam

Thứ nhất, ba hạn chế chính của doanh nghiệp nội địa sản xuất TACN là: nguồn lực tài chính yếu; công nghệ thiếu đồng bộ; năng lực và kinh nghiệm quản lý hạn chế. Trong khi các doanh nghiệp nước ngoài được vay vốn dễ dàng với mức lãi suất thấp từ công ty mẹ hoặc từ thị trường vốn nước sở tại, doanh nghiệp Việt Nam lại khó tiếp cận nguồn vốn rẻ, khiến chi phí tài chính không cạnh tranh được, dẫn đến cản trở hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, đa số doanh nghiệp nội địa đều có quy mô vừa và nhỏ nên khả năng xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn rất khó khăn; đồng thời tiềm lực hạn chế cũng khiến họ chưa làm tốt công tác thị trường... Vì thế, việc cạnh tranh đối với các doanh nghiệp này là vô cùng khó khăn.

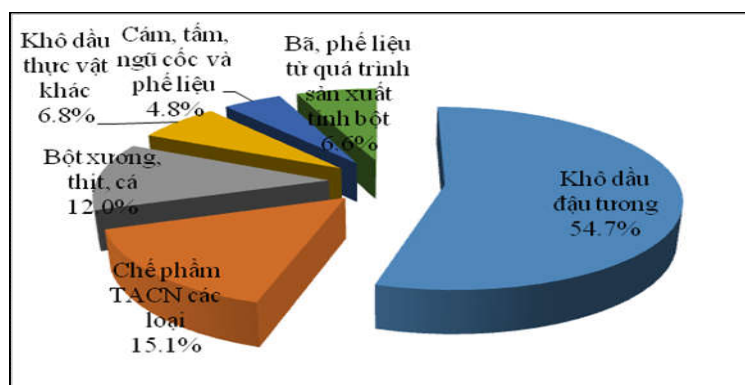
Thứ hai, cần giảm thiểu nghịch lý thị trường. Thực tế, ngành chăn nuôi tồn tại nhiều nghịch lý cả về số lượng doanh nghiệp, thị trường, giá cả, nguyên liệu sản xuất... Theo Cục Chăn nuôi, doanh nghiệp chiếm thị phần cao nhất là Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam (gọi tắt là Công ty CP) với 19,4% tổng sản lượng sản xuất ra thị trường. Công ty CP nắm giữ 40% thị phần đối với ngành hàng gà công nghiệp, 50% thị phần trứng công nghiệp và 18-20% thị phần ngành TACN tại Việt Nam. Công ty còn nắm giữ 5% tổng sản lượng chăn nuôi lợn của cả nước. Trong tổng doanh thu của Công ty thì doanh thu từ sản xuất TACN là nguồn doanh thu lớn nhất (chiếm 62,2%) [6]. Đứng sau CP là các doanh nghiệp như Cargill Việt Nam, Proconco, ANT, Greenfeed, Anco, Japfa...

Thêm nữa, giá thực phẩm có nguồn gốc từ gia súc gia cầm ở đầu ra rất thấp, nhưng chi phí thức ăn đầu vào rất cao (chiếm khoảng 70% giá thành). Trong khi đó, Việt Nam vẫn được đánh giá là quốc gia nông nghiệp, có nguồn nguyên liệu dồi dào nhưng hàng năm phải tiêu tốn trên 3 tỷ USD để nhập khẩu. Sở dĩ doanh nghiệp phải nhập khẩu tới 50% nguồn nguyên liệu từ nước ngoài, đặc biệt là những chất phụ gia như khô đậu tương, đạm... bởi lẽ, sản lượng và chất lượng của nguyên liệu trong nước không đồng đều, do giống, quy trình trồng cấy, nhất là khâu chế biến bảo quản của nông dân không đạt tiêu chuẩn [6].

Ngoài ra, với các nhà máy công suất lớn, để đảm bảo đủ nguyên liệu sản xuất thì phải lưu trữ vài tháng hoặc lâu hơn. Trong khi đó, nguyên liệu TACN trong nước lại có thời gian bảo quản ngắn. Đơn cử như ngô của Việt Nam, khi mua về các nhà máy phải dùng ngay trong vòng một tháng. Nếu tự chủ được nguyên liệu thì doanh nghiệp sẽ không phải tốn thêm các chi phí vận chuyển, thuê nhập khẩu nguyên liệu... Điều này vừa góp phần giảm chi phí sản xuất, vừa kích thích sản xuất nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, thu nhập cho người nông dân.

Thứ ba, phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu. Từ nhiều năm nay, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn nguyên liệu sản xuất TACN. Theo đó, trong số 12,5 triệu tấn TACN tiêu thụ mỗi năm thì lượng nhập khẩu chiếm trên 70%, tương đương 9 triệu tấn [6].

Thứ tư, mất cân đối nguồn nguyên liệu: Theo Hiệp hội TACN Việt Nam, trong số các nguyên liệu sản xuất TACN thì Việt Nam mới chủ động được cám gạo còn các nguyên liệu khác phần lớn phụ thuộc nhập khẩu. Cụ thể, mặt hàng nguyên liệu TACN được nhập khẩu chủ yếu là khô đậu tương, chiếm 54,7% tổng trị giá nhập khẩu. Tiếp đến lần lượt các nhóm: bột xương, thịt động vật và bột cá tỷ trọng 12%; các loại khô dầu thực vật khác chiếm tỷ trọng 6,8%; các loại bã phế liệu từ quá trình sản xuất tinh bột chiếm 6,6%; các loại cám, tấm, phế liệu từ ngũ cốc chiếm tỷ trọng 4,8%. Nhập khẩu các chế phẩm, thức ăn hoàn chỉnh, chất tổng hợp, bổ sung cho chăn nuôi và các loại khác chiếm khoảng 15,1% [6].



Hình 4. Cơ cấu mặt hàng TACN và nguyên liệu nhập khẩu năm 2016.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu hải quan năm 2016 [6].

Việc phụ thuộc nhập khẩu là do Việt Nam chưa sản xuất được các thức ăn bổ sung. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp trong nước cũng đang có sự mất cân đối. Do tập trung đầu tư sản xuất nên có năm, thóc, gạo xuất khẩu tiêu thụ khó khăn nhưng lại phải nhập hàng triệu tấn ngô, đỗ tương... do sản xuất trong nước chưa đáp ứng được.

2. Những hạn chế của chính sách ảnh hưởng đến phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi Việt Nam

Thứ nhất, còn thiếu các chính sách cụ thể về cạnh tranh thị trường để tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp chế biến TACN. Thực tế đã có nhiều văn bản quản lý sản xuất TACN được ban hành như: Quyết định số 90/2006/QĐ-BNN ngày 2/10/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Danh mục TACN, nguyên liệu TACN được nhập khẩu vào Việt Nam; Quyết định số 168/QĐ-CN-TACN ngày 4/8/2009 về việc Chỉ định phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng TACN; Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 5/2/2010 về Quản lý TACN; Quyết định số 116/2009/QĐ-TTg ngày 29/9/2009 về việc bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; đưa mặt hàng TACN (sản xuất trong nước và nhập khẩu) vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá... Tuy nhiên, tình hình sản xuất TACN vẫn tồn tại nhiều bất cập. Các công ty TACN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm thị phần lớn, tỷ lệ tập trung thị

trường tăng trong các năm gần đây, có hiện tượng liên kết định giá lỏng lẻo khi các công ty nhỏ định giá theo các công ty lớn; có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh khi sử dụng hệ thống phân phối đại lý độc quyền và chiết khấu lớn. Từ đó, các công ty này định giá bán TACN cao hơn mức giá cạnh tranh, gây thiệt hại cho người chăn nuôi và người tiêu dùng. Mặt khác, tiêu chuẩn chất lượng TACN hiện nay hầu như chưa kiểm soát được, nhà nước còn lúng túng trong việc quản lý chất lượng. Không ít nhà máy gian lận chất lượng sản phẩm.

Đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, việc khảo nghiệm TACN tại cơ sở theo Thông tư 50/2014/TT-BNNPTNT về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 5/2/2010 của Chính phủ về quản lý TACN là chủ trương phù hợp trong tình hình hội nhập hiện nay, giúp sản phẩm chăn nuôi Việt Nam một phần đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật (đặc biệt là tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm) của các nước đối tác. Tuy nhiên, việc này phải thực hiện triệt để, tránh thiệt hại và bất công bằng đối với các doanh nghiệp lớn trong tình trạng thiếu khả năng kiểm soát đối với các công ty/cơ sở sản xuất nhỏ lẻ như hiện nay.

Hiện nay, các cơ sở sản xuất TACN nhỏ lẻ hầu như không đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành; do đó, việc quản lý chất

lượng một cách triệt để là chủ trương đúng đắn, tuy nhiên cũng cần có các chính sách hỗ trợ (vốn, kỹ thuật, thủ tục hành chính...) để các đối tượng này có khả năng tồn tại trong thời kỳ hội nhập.

Thứ hai, một số chính sách chậm đổi mới để phù hợp hơn với sự vận động của nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Việt Nam cải cách thể chế kinh tế thị trường và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thông qua thực hiện tự do hóa thương mại đơn phương, song phương và đa phương đã giúp củng cố, tăng cường các quan điểm, nguyên tắc về chính sách phát triển ngành công nghiệp TACN trên cơ sở vận dụng các quy luật kinh tế thị trường và thực thi các cam kết quốc tế, góp phần giải phóng lực lượng sản xuất TACN và điều chỉnh quan hệ sản xuất TACN một cách phù hợp, huy động và phân bổ hiệu quả hơn các nguồn lực của đất nước và nguồn ngoại lực cho phát triển công nghiệp TACN. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực và những khó khăn, thách thức khi phải thay đổi nhận thức và tư duy, phải nâng cao hiểu biết, học hỏi và rèn luyện để có kiến thức và kỹ năng phù hợp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Điều này đòi hỏi phải có thời gian và nỗ lực, trong khi những hậu quả của cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung vẫn còn rói rớt lại và những cám dỗ kinh tế của cơ chế thị trường, của lợi ích nhóm và doanh nghiệp thân hữu cũng có thể chi phối, bóp méo chính sách.

Thứ ba, chính sách chưa thật sự khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến TACN. Những đặc điểm và yếu kém nội tại của bản thân ngành công nghiệp TACN cũng ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng và hiệu quả chính sách phát triển ngành công nghiệp TACN. Đây là ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển chăn nuôi của Việt Nam. Muốn đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm và an toàn chất lượng về sinh thực phẩm, Việt Nam phải có các chính sách ưu tiên, khuyến khích phát triển công nghiệp TACN. Chính sách ưu tiên, khuyến khích này còn xuất phát từ đặc điểm nhạy cảm của ngành công nghiệp, nhất là ở khu vực trồng trọt, sản xuất đầu vào nguyên liệu TACN và ở khu vực đầu ra của ngành

công nghiệp là ngành sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên, ngành công nghiệp TACN của Việt Nam có xuất phát điểm thấp, sản xuất nhỏ lẻ và manh mún, tiêu thụ công nghiệp ở quy mô hộ gia đình, vốn ít, trang thiết bị nghèo nàn, lạc hậu, chưa có nhiều cơ sở sản xuất TACN công nghiệp quy mô lớn, chuyên nghiệp, chưa có sự gắn kết với thị trường đầu ra và sản xuất nguyên liệu đầu vào. Ngành chăn nuôi thì lạc hậu, chậm phát triển hơn so với trồng trọt, nhu cầu tiêu thụ TACN công nghiệp mới chỉ phát triển thời gian gần đây, trong khi chưa có quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất TACN, thiếu những nguyên liệu đầu vào cơ bản là nguồn cung cấp đạm, khoáng và các phụ gia TACN... Tất cả đặt ra yêu cầu chính sách phải hỗ trợ rất lớn cho phát triển công nghiệp TACN. Điều này mâu thuẫn với nguồn lực hạn chế của nền kinh tế, kể cả trong trường hợp các hỗ trợ và trợ cấp là được phép theo cam kết quốc tế. Việc thiếu các nguồn lực cần thiết về vốn, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật và cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp TACN ảnh hưởng rất lớn tới kết quả thực thi chính sách, ngay cả khi chính sách được xây dựng tốt.

Thứ tư, còn thiếu các chính sách dài hạn trong phát triển ngành công nghiệp TACN. Tư duy, tầm nhìn và trình độ, năng lực của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý kinh doanh còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng lớn tới tính khả thi, chất lượng và hiệu quả chính sách. Xét trong tổng thể ngành nông nghiệp và tình hình kinh tế - xã hội chung của đất nước cũng như tình hình quốc tế, những hạn chế này sẽ ảnh hưởng ngay từ khâu đầu trong quy trình chính sách là khâu phát hiện vấn đề chính sách, phân tích các phương án chính sách, lựa chọn phương án tốt nhất để có thể thiết kế được một chính sách tốt. Đó là chưa kể tới năng lực triển khai thực hiện và phân tích đánh giá chính sách. Tất cả các khâu trong quy trình chính sách đều cần các nhà làm chính sách có tâm, có tầm, có tài mới có thể đảm bảo một quy trình chính sách thông suốt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả thực thi chính sách. Trong khi đó, ở Việt Nam, mặc dù đã rất nỗ lực, những phẩm chất này của các nhà làm chính sách chung và chính sách đối với phát triển ngành công nghiệp TACN nói riêng vẫn đang cần tiếp tục xây dựng, nâng cao.

3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách phát triển ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi

Định hướng ngành TACN cần triển khai mạnh các nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Theo đó, các kiến nghị hoàn thiện chính sách phát triển ngành công nghiệp TACN gồm:

Thứ nhất, cần có chính sách khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu tập trung để đáp ứng nhu cầu nguồn nguyên liệu cho sản xuất TACN. Nhà nước cần sớm có các hỗ trợ nông dân chuyên đổi cây trồng. Nhà nước và các tổ chức tín dụng nên có các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp vay vốn đầu tư tạo vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp chế biến TACN phải là cầu nối, ký kết hợp đồng tiêu thụ để người trồng có thể hoàn toàn yên tâm sản xuất.

Thứ hai, phải có chính sách ưu đãi (thuế, mặt bằng...) để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao và chính sách hỗ trợ đầu tư ứng dụng công nghệ cao. Đặc biệt, nhiều doanh nghiệp có năng lực nhưng lại khó tiếp cận về đất đai. Do đó, cần có chính sách ưu đãi đất đai và minh bạch thủ tục cho các doanh nghiệp đầu tư vào TACN.

Thứ ba, cần có chính sách điều tiết giá thị trường, cần theo dõi sát diễn biến cung, cầu thị trường trong nước và thế giới, tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để định hướng sản xuất đến tất cả các ngành, từng phân ngành. Đồng thời, kiểm soát dung lượng thị trường, quản lý điều tiết sản xuất, kinh doanh, tránh tình trạng được mùa mất giá...

Thứ tư, phải có chính sách cụ thể về chất lượng sản phẩm TACN. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở cần tăng cường quản lý chất lượng TACN, kiên quyết đấu tranh với việc sử dụng chất cấm, kiểm soát việc sử dụng kháng sinh quá mức, cụ thể:

- Có chính sách giảm thuế đối với các nguyên liệu thô và nguyên liệu thức ăn khác dùng để sản xuất thức ăn công nghiệp chất lượng cao.

- Nâng cao hiệu quả hệ thống nhân giống cây trồng để đạt được sự tăng trưởng nhanh trong năng suất các loại lương thực làm thức ăn gia súc.

- Hỗ trợ các chương trình nghiên cứu để phát triển các giống ngô năng suất cao và các nguyên liệu thô giàu đạm sử dụng sản xuất thức ăn gia súc.

- Quản lý chất lượng nguyên liệu chế biến TACN: Chăn nuôi đòi hỏi phải có hệ thống giám sát chất lượng thích hợp đối với nguồn thức ăn công nghiệp. Nhằm tối đa hóa khả năng tăng năng suất chăn nuôi, người sản xuất phải có được những thông tin chính xác về thành phần và hàm lượng dinh dưỡng có trong thức ăn tổng hợp. Cần phải có những quy chế về nhãn mác, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, thanh tra giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên. Hiện nay đã có những chính sách, yêu cầu về nhãn mác, tuy nhiên việc thanh tra, kiểm tra cần phải tăng cường.

Thứ năm, có chính sách ưu tiên để thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực sản xuất các nguyên liệu tổ hợp premix. Hiện nay các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất - kinh doanh TACN ở Việt Nam đang thu siêu lợi nhuận, trong khi người chăn nuôi phải mua TACN với giá quá cao. Các doanh nghiệp trong nước quản lý yếu, thiếu vốn, thiếu công nghệ nên không thể cạnh tranh với các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Ngoài ra, trong nước chưa có nguồn nguyên liệu, phụ gia dùng để sản xuất TACN đòi hỏi chất lượng và kỹ thuật cao. Vì vậy, phải đầu tư nghiên cứu khoa học nghiêm túc và hiệu quả, chú trọng nghiên cứu các khâu đột phá theo chuỗi sản phẩm: hóa được, khoáng vi lượng, premix, vi sinh, emzym, chất tạo màu, tạo mùi. Các công thức sản xuất TACN hàm lượng chất xám cao phải được phổ biến rộng rãi. Cần đầu tư và ưu tiên kêu gọi nước ngoài đầu tư vào sản xuất các nguyên liệu tổ hợp premix ngay tại Việt Nam. Nhà nước cũng cần đầu tư nguồn vốn cho nông dân để tăng cường hệ thống kho bãi, phơi, sấy, bảo quản để bảo đảm chất lượng nông sản, cung

cấp nguồn nguyên liệu cho sản xuất TACN, giảm bớt phụ thuộc vào nước ngoài.

Hầu hết thực phẩm dùng cho con người có nguồn gốc từ trồng trọt và chăn nuôi, trong đó chăn nuôi là ngành cung cấp đạm chủ yếu nên TACN phải được ưu tiên. Vì vậy, Nhà nước cần phải coi TACN là mặt hàng thiết yếu an ninh thực phẩm để được hưởng mọi quyền lợi ưu tiên như lương thực và phân bón trong 10 mặt hàng thiết yếu mà Bộ Công Thương xếp hạng quy định. Bên cạnh đó, cần đầu tư xây dựng các cảng chuyên dùng nhập ngô, đậu tương và hàng nông sản, vì đặc thù nguyên liệu TACN nhập khẩu phần lớn là hàng rời, ít hàng container.

Thứ sáu, cần chỉ đạo các viện, trường triển khai nghiên cứu quy trình sản xuất TACN thành quy trình công nghệ hoàn chỉnh, tiên tiến để có thể phổ biến đại trà vào sản xuất, giúp giảm chi phí đầu tư. Về lâu dài, cần tăng tốc chú trọng đầu tư hơn nữa vào việc canh tác ngô, đậu nành để chủ động nguồn nguyên liệu trong nước, thống nhất quản lý chất lượng TACN và chú trọng đào tạo nguồn nhân lực.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, Nghị định số 08/2010/NĐ-CP Về quản lý TACN, ban hành ngày 05/02/2010
- [2] Chính phủ, Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020, ban hành ngày 16/01/2008
- [3] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTN về quản lý TACN., ban hành ngày 10/10/2011.
- [4] Vũ Trọng Bình, Đào Đức Huân, Nguyễn Mạnh Cường, “Chính sách phát triển chăn nuôi ở Việt Nam - Thực trạng thách thức và chiến lược đến năm 2020”, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn, 2014.
- [5] Bộ Tài chính, Công văn số 5165/BTC-TCHQ về miễn thuế giá trị gia tăng cho mặt hàng TACN nhập khẩu, ban hành ngày 21/4/2014.
- [6] Trung tâm Thông tin Phát triển Nông nghiệp nông thôn - Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn, “Báo cáo thường niên ngành TACN năm 2016 và triển vọng 2017”, 2016.
- [7] Chính phủ, Chính sách phát triển chăn nuôi đến năm 2020 (Quyết định 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ).
- [8] Chính phủ, Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, ban hành ngày 14/11/2013 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014.
- [9] Chính phủ, Nghị định 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có hiệu lực từ ngày 10/2/2014.
- [10] Lê Bá Lịch, “Thức ăn chăn nuôi - Biện pháp hàng đầu phát triển chăn nuôi bền vững giai đoạn 2010-2020”, Hiệp hội Thức ăn Chăn nuôi Việt Nam, 2010.

Improving the Development Policy of Vietnam's Animal Feed Industry

Nguyen Duc Hai

*Sun Investment Joint Stock Company,
No. 9A/ 208, Nguyen Van Cu, Bo De Ward, Long Bien Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: As it is integrating more deeply in the international economy, Vietnam's economic sectors and especially the animal feed field are having either opportunities and challenges. In such a context, Vietnam should improve the animal feed industry policies to facilitate the development and integration of the industry. This paper provides a description of the animal feed production industry policies and proposes some solutions to help improve the policies.

Keywords: Animal feed industry, policy improvement.